TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HS - ST
Ngày: 25/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hiến Công Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Hoàng Huy và ông Triệu Văn Thiết

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Khuyến, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Vương Đức Chính, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2023/TLST - HS ngày 12/6/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST- HS ngày 21/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/HSST-QĐ ngày 04/8/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phùng Ngọc M, tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 09/7/1983 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm A, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Ngọc V và con bà Nguyễn Thị Kh; vợ: Lê Thị Nh; con: có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/4/2023 cho đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Duy N, tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 27/10/1984 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm T, xã D, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ph và con bà Nguyễn Thị X (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; Tiền án: Có 03 tiền án (hiện tại đều chưa được xóa án tích), cụ thể:

- Ngày 29/10/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30

tháng cải tạo không giam giữ về tội "*Đánh bạc*" theo Bản án số 37/2010/HTST.

- Ngày 24/6/2012 bị Tòa án nhân dân Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 03 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" với tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 48 là "Tái phạm" tổng hợp hình phạt cải tạo không giam giữ tại bản án số 37/2010/HTST ngày 29/10/2010 được chuyển thành hình phạt tù là 08 tháng 18 ngày. Tổng hình phạt chung của hai bản án là 03 năm 8 tháng 18 ngày tù theo Bản án số 15/2012/HTST. Đến ngày 15/02/2015 chấp hành xong trở về địa phương.

- Ngày 28/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử 36 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tại bản án số 37/2016/HSST.

- Ngày 27/02/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết tăng nặng tại điểm c khoản 1 Điều 138 là "Tái phạm nguy hiểm" tổng hợp với hình phạt 36 tháng tù tại bản án số 37/2016/HSST ngày 28/9/2016 buộc phải chấp hành một hình phạt chung của hai bản án là 05 năm 06 tháng tù theo bản án số 27/2017/HTST. Đến ngày 29/11/2021 chấp hành xong trở về địa phương.

Nhân thân: Ngày 23/4/2009, bị Công an xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/4/2023 cho đến nay, có mặt.

* *Bị hại:* Chị Hoàng Thị S, sinh năm 2000, trú tại thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện C, tỉnh Bắc Kạn tiếp nhận đơn tố giác của chị Hoàng Thị S về việc: Sáng ngày 29/3/2023, chị cùng chồng là Chu Đức M, sinh năm 1994 điều khiển xe mô tô BKS 97B1- 952.43 đến khu đồi K, thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để khai thác cây. Khi đến nơi chị S để xe cạnh lán sinh hoạt, không rút chìa khóa rồi đi làm. Sau khi đi làm về cả hai vợ chồng ăn cơm, ngủ trưa tại lán đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì phát hiện mất chiếc xe mô tô của gia đình mua năm 2020 với số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã xác minh và mời hai đối tượng Phùng Ngọc M và Nguyễn Duy N lên làm việc. Quá trình làm việc M và N khai nhận được trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 97B1- 952.43 tại khu đồi K, thuôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và tự nguyện giao nộp lại tài sản đã trộm.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa Phùng Ngọc M và Nguyễn Duy N khai nhận: Khoảng 11 giờ ngày 29/3/2023, M sang nhà N rồi cả hai cùng nhau bắt

xe khách đi lên xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để tìm nơi cần người khai thác gỗ thuê. Khi lên đến xã B cả hai xuống xe rồi đi bộ vào thôn B, xã B (là nơi trước đây M từng khai thác gỗ thuê) để tìm việc nhưng không ai thuê nên cả hai đi bộ quay về. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi quay ra đến khu đồi K thuộc thôn P, xã B thì M phát hiện bên trái đường có một chiếc xe mô tô HONDA Wave màu xanh và một lán sinh hoạt tạm. M nghĩ có người ở lán nên bảo N đứng đợi ở ngoài đường để M vào xin khai thác gỗ cùng. M đi đến gần chiếc xe mô tô rồi gọi trong vào lán "ngủ dậy chưa, ngủ dậy chưa" nhưng không thấy ai trả lời, M nghĩ không có người trong lán hoặc mọi người trong lán đã ngủ say. Lúc này, M quan sát thấy xe mô tô BKS 97B1- 952.43 có chìa khóa cắm ở ổ khóa nên M đã nảy sinh ý định lấy trộm để bán lấy tiền tiêu sài, M vội vàng dắt lùi chiếc xe ra gần chỗ N đang đứng, N đứng ngoài chứng kiến toàn bộ sự việc nhưng không nói gì và hiểu M đang lấy trộm xe. M dắt xe ra rồi ngồi lên xe, dùng tay phải vặn mở ổ khóa điện đề nổ xe, N ngồi lên đằng sau xe rồi cả hai cùng nhau đi về hướng huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trên đường về khi đi đến đỉnh Đèo A thuộc thôn T, xã B, huyện C thì M và N cùng nhau trao đổi, thống nhất sẽ bán chiếc xe vừa trộm cắp được lấy tiền chia nhau tiêu sài nhưng do chưa tìm được nơi tiêu thụ và sợ bị phát hiện nên N đã bảo M là mang xe về nhà N tại Xóm T, xã D, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để cất giấu, khi nào tìm được nơi tiêu thụ sẽ bán lấy tiền chia nhau tiêu sài và được N đồng ý. Đến ngày 06/4/2023 và 07/4/2023, khi cơ quan CSĐT Công an huyện Chợ Đồn triệu tập thì N và M đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp và giao nộp chiếc xe trộm cắp được .

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 31/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chợ Đồn kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh đen bạc, đã qua sử dụng, biển số đăng ký 97B1- 952.43, số khung 3917LY065058, số máy JA39E1401238 giá trị của tài sản tại thời điểm định giá ngày 29/3/2023 trị giá 11.000.000đ (mười một triệu đồng).

Tại cáo trạng số 34/CT - VKSCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Phùng Ngọc M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Duy N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu luận tội đối với các bị cáo, phân tích, đánh giá tính chất nguy hiểm của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phùng Ngọc M và Nguyễn Duy N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phùng Ngọc M từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho

hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy N từ 30 đến 36 tháng tù. Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

- Về vật chứng: Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh đen bạc, BKS 97B1- 952.43 và 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 067816 mang tên Hoàng Thị S. Quá trình điều tra xác định những tài sản trên là thuộc sở hữu hợp pháp của chị Hoàng Thị S, chị S có đơn xin lại tài sản, nên ngày 11/5/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Sách.

- Về bồi thường trách nhiệm dân sự: Chị Hoàng Thị S đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu Phùng Ngọc M và Nguyễn Duy N bồi thường gì nên không đề nghị xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bị cáo Phùng Ngọc M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; bị cáo Nguyễn Duy N thuộc hộ Cận nghèo nhưng không có đơn đề nghị miễn án nộp án phí nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và các vấn đề khác như bản cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình tranh tụng tại phiên toà xác định được như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 29/3/2023, Phùng Ngọc M và Nguyễn Duy N đã có hành vi lén lút trộm 01 (một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh đen bạc, đã qua sử dụng, biển số đăng ký 97B1- 952.43 trị giá 11.000.000đ (mười một triệu đồng) để ở cạnh lán thuộc khu đồi Kh, thuôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn của chị Hoàng Thị S để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi nêu trên của bị can Phùng Ngọc M và Nguyễn Duy N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, do trước đó ngày 27/02/2017, Nguyễn Duy N bị Tòa án nhân dân

huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tuyên phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung là "Tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 2009 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2017/HSST. Tổng hợp với hình phạt tù tại bản án số 37/2016/HSST ngày 28/9/2016 buộc phải chấp hành một hình phạt chung của hai bản án là 05 năm 06 tháng tù, đến ngày 29/11/2021 thì chấp hành án xong trở về địa phương, đến nay chưa được xóa án tích. Do đó, lần phạm tội này của bị cáo Nguyễn Duy N thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 34/CT - VKSCĐ ngày 12/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn truy tố bị cáo Phùng Ngọc M về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Duy N về tội trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như mô tả trong Bản cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố Phùng Ngọc M và Nguyễn Duy N đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Sau khi phạm tội đã tự nguyện giao nộp lại toàn bộ tài sản trộm cắp để khắc phục hậu quả.

Bị cáo Phùng Ngọc M phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra bị cáo M còn khai có bố đẻ là Phùng Ngọc V trong thời gian công tác do có nhiều đóng góp xây dựng cho sự phát triển ngành Giáo dục và sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn, được đơn vị thụ hưởng xác nhận nên được Bộ trưởng Bộ giáo dục tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp giáo dục và Chủ tịch Ban chấp hành Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phùng Ngọc M không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự

Bị cáo Nguyễn Duy N có bà nội là Hoàng Thị Th được Nhà nước truy tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh Hùng. Do đó, bị cáo N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị Cáo Nguyễn Duy N có 03 tiền án, bản án cuối cùng ngày 27/02/2017 đã xác định là "Tái phạm nguy hiểm" nên lần phạm tội này được làm căn cứ định khung hình phạt cho bị cáo N nên bị cáo N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân là quyền được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo Phùng Ngọc M phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, trong đó có 03 (ba) tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên đủ điều kiện áp dụng mức hình phạt tù cho hưởng án treo cải tạo tại địa phương theo hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp tạo điều kiện cho các bị cáo cơ hội sữa chữa lỗi lầm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, song vẫn có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Bị cáo N nhiều lần vi phạm và bị xử lý trách nhiệm hình sự nên được coi là có nhân thân xấu, sau các lần bị kết án và chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương không chịu tu dưỡng bản thân để làm một công dân tốt, có ích cho xã hội mà vẫn tiếp tục vi phạm gây bức xúc trong cộng đồng dân cư vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, đồng thời cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam đối với các bị cáo và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định có như vậy mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố; căn cứ tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy trước khi phạm tội bị cáo Nguyễn Duy N có nhân thân xấu, có tiền án về tội trộm cắp tài sản; lần phạm tội này của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn không có tổ chức, phân công, mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nằm trong khung hình phạt mà các bị cáo bị truy tố nên được chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Qua các tài liệu, chứng cứ đã thu thập và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện, các bị cáo đều là lao động tự do, không có nghề nghiệp, không có thu nhập, sống phụ thuộc gia đình do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản là chiếc xe mô tô bị mất, quá trình điều tra không có yêu cầu về bồi thường dân sự và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh đen bạc, BKS 97B1- 952.43, số khung 3917LY065058, số máy JA39E1401238, xe đã qua sử dụng và 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe

máy số 067816 mang tên Hoàng Thị S. Quá trình điều tra xác định những tài sản trên thuộc sở hữu hợp pháp của chị Hoàng Thị S, chị S có đơn xin lại tài sản, nên ngày 11/5/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện Chợ Đồn đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp chị Sách là phù hợp với pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo Phùng Ngọc M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; bị cáo Nguyễn Duy N thuộc diện hộ Cận nghèo nhưng không có đơn đề nghị miễn án nộp án phí nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên bố các bị cáo Phùng Ngọc M và Nguyễn Duy N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58, 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Phùng Ngọc M 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy N 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù của bản án. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Các bị cáo phải chịu mỗi người 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- THADS huyện C;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tt;
- Lưu HSVA, hồ sơ THAHS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hiến Công Hanh